

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2020**

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- **Giới thiệu và sứ mệnh**

- Sứ mệnh: Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam là cơ sở đào tạo, nghiên cứu và biểu diễn âm nhạc chuyên nghiệp hàng đầu của cả nước; tham gia vào việc định hướng, giáo dục nhằm nâng cao đời sống âm nhạc cho toàn xã hội; đóng góp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- **Địa chỉ các trụ sở**

STT	Loại trường	Tên trường	Địa điểm	Diện tích đất	Diện tích xây dựng

2. Quy mô đào tạo chính quy

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo						
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII
1.	Sau đại học							
1.1	Tiến sĩ							
1.1.1	Âm nhạc học (9210201)		26					
1.2	Thạc sĩ							
1.2.1	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	18						

	(8140111)							
1.2.2	Âm nhạc học (8210201)		20					
1.2.3	Nghệ thuật âm nhạc (8210202)		19					
2.	Đại học							
2.1	Chính quy							
2.1.1	Âm nhạc học (7210201)		20					
2.1.2	Sáng tác âm nhạc (7210203)		10					
2.1.3	Chỉ huy âm nhạc (7210204)		2					
2.1.4	Thanh nhạc (7210205)		122					
2.1.5	Biểu diễn nhạc cụ phương tây (7210207)		72					
2.1.6	Piano (7210208)		32					
2.1.7	Nhạc Jazz (7210209)		27					
2.1.8	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (7210210)		122					
2.2	Liên thông từ TC lên ĐH							
2.3	Bằng 2 CQ							
2.4	Liên thông từ ĐH sang ĐH							

2.5	Liên thông từ CĐ sang CĐ							
3.	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non							
3.1	Chính quy							
3.2	Liên thông từ TC lên CĐ							
3.3	Liên thông từ CĐ sang CĐ							
II	Vừa làm vừa học							
1.1	Vừa làm vừa học							
1.11	Thanh nhạc (7210205)		13					
2.2	Liên thông từ TC lên ĐH							
2.3	Liên thông từ CĐ lên ĐH							
2.4	Liên thông từ ĐH sang ĐH							
2.	Cao đẳng ngành giáo dục mầm non VLVH							
2.1	Vừa làm vừa học							
2.2	Liên thông từ TC lên CĐ							

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	Năm tuyển sinh 2019		x	x	
2	Năm tuyển sinh 2018		x	x	

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Mã ngành	Năm tuyển sinh 2018			Năm tuyển sinh 2019		
		Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển
Khối ngành I							
Khối ngành II							
Âm nhạc học	7210201						
Ngữ văn, Năng khiếu Âm nhạc 1, Năng khiếu Âm nhạc 2	N00	10	3	16.5	10	5	17.6
Thanh nhạc	7210205						
Ngữ văn, Năng khiếu Âm nhạc 1, Năng khiếu Âm nhạc 2	N00	45	32	23.6	45	36	17.6
Piano	7210208						
Ngữ văn, Năng khiếu	N00	15	14	22.8	15	8	17.6

Âm nhạc 1, Năng khiếu Âm nhạc 2							
Chỉ huy âm nhạc	7210204						
Ngữ văn, Năng khiếu Âm nhạc 1, Năng khiếu Âm nhạc 2	N00	6	0	21.6	6	0	17.6
Biểu diễn nhạc cụ phương tây	7210207						
Ngữ văn, Năng khiếu Âm nhạc 1, Năng khiếu Âm nhạc 2	N00	37	15	21.6	37	20	17.6
Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	7210210						
Ngữ văn, Năng khiếu Âm nhạc 1, Năng khiếu Âm nhạc 2	N00	15	18	21.6	15	16	17.6
Sáng tác âm nhạc	7210203						
Ngữ văn, Năng khiếu Âm nhạc 1, Năng khiếu Âm nhạc 2	N00	6	5	21.6	6	2	17.6

Nhạc Jazz	7210209						
Ngữ văn, Năng khiếu Âm nhạc 1, Năng khiếu Âm nhạc 2	N00	16	5	21.6	16	3	17.6
Khối ngành III							
Khối ngành IV							
Khối ngành V							
Khối ngành VI							
Khối ngành VII							

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: ha
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có):
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: m²/sinh viên

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	193	12951
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	2451
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	20	2000
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	33	1000
5	Số phòng học dưới 50 chỗ	90	2000
6	Số phòng học đa phương tiện	39	5000
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	8	500
8	Thư viện, trung tâm học liệu	0	14126
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	1	8946

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
----	-----	-------------------------------	---

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non.

- Xem phụ lục 01 kèm theo

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non.

- Xem phụ lục 02 kèm theo

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH; từ TC lên CĐ, CĐ ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CĐ)

1.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đăng ký dự thi vào Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam phải có các điều kiện như sau:

- Tốt nghiệp Trung cấp âm nhạc hoặc có trình độ tương đương hệ trung cấp âm nhạc
- Tốt nghiệp THPT (Theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc tốt nghiệp THPT của nước ngoài đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển;

Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam tổ chức tuyển sinh bằng phương thức thi kết hợp xét tuyển; phương thức xét tuyển.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: Ghi rõ số, ngày ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của trường (nếu được cho phép tự chủ) đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	7210210	1148/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018
2	Nhạc Jazz	7210209	1148/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018
3	Biểu diễn nhạc cụ phương tây	7210207	1148/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018
4	Chỉ huy âm nhạc	7210204	1148/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018
5	Thanh nhạc	7210205	1148/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018
6	Âm nhạc học	7210201	1148/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018
7	Piano	7210208	1148/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018
8	Sáng tác âm	7210203	1148/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018

	nhạc				ạo	
--	------	--	--	--	----	--

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

STT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			Xét theo KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính
1	Các ngành đào tạo đại học											
1.1	Âm nhạc học	7210201	0	10								
1.2	Sáng tác âm nhạc	7210203	0	8								

1.3	Chỉ huy âm nhạc	7210204	0	5								
1.4	Thanh nhạc	7210205	0	40								
1.5	Biểu diễn nhạc cụ phương tây	7210207	0	30								
1.6	Piano	7210208	0	22								
1.7	Nhạc Jazz	7210209	0	10								
1.8	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	7210210	0	25								

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- a. Các thí sinh trước hết phải đủ điều kiện: Tốt nghiệp Trung cấp âm nhạc hoặc có trình độ tương đương Trung cấp âm nhạc. Tốt nghiệp THPT; Bổ túc THPT.
- b. Điều kiện xét tuyển môn Ngữ văn: **Từ 5,0 điểm trở lên** (trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh xin ý kiến chỉ đạo của Bộ để quyết định), xét tuyển dựa trên một trong các kết quả sau:
 - Điểm trung bình chung môn Ngữ văn trong học bạ (theo quy định của Bộ) của 3 năm học THPT.
 - Điểm trung bình chung môn Ngữ văn trong 3 năm học cuối trung cấp (theo quy định của Bộ) của chương trình Văn hoá phổ thông hệ TCCN.
 - Điểm thi môn Ngữ văn (theo quy định của Bộ) trong kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia.
- c. Điều kiện tuyển thẳng theo quy chế của Bộ và xét tuyển thẳng theo Đề án
 - Theo quy chế của Bộ GD&ĐT đối với các thí sinh đã đoạt giải thưởng tại các cuộc thi âm nhạc Quốc tế. Học viện sẽ xét công nhận các cuộc thi dựa trên tiêu chí và quy mô của cuộc thi mà thí sinh đã đoạt giải thưởng. Thủ tục xét tuyển theo quy chế của bộ GD&ĐT.
 - Đối với các thí sinh tốt nghiệp hệ TCCN tại Học viện ANQGVN và đã tốt nghiệp THPT. Trong đó: ngành Piano điểm tốt nghiệp chuyên ngành từ 9.5 điểm trở lên; Tất cả các ngành còn lại điểm tốt nghiệp chuyên ngành từ 9.0 điểm trở lên. Điểm tốt nghiệp các môn thuộc khối Kiến thức âm nhạc bao gồm: Lý thuyết âm nhạc, Hoà âm, Trích giảng âm nhạc, Hình thức âm nhạc, Ký xướng âm, Piano cơ bản (LSC) từ 7.0 điểm trở lên.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

a. Mã số trường: **NVH**

b. Mã số ngành và tổ hợp môn thi kết hợp xét tuyển:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn thi kết hợp xét tuyển	
			Môn dùng để xét tuyển	Môn thi
1	7210201	Âm nhạc học	Ngữ văn	1. Môn cơ sở: Chuyên ngành (viết tiểu luận). 2. Môn cơ bản: Kiến thức âm nhạc tổng hợp (Hòa thanh, phân tích âm nhạc và Ghi âm). + Piano cơ bản.

2	7210203	Sáng tác âm nhạc	Ngữ văn	<p>1. Môn cơ sở: Viết sáng tác.</p> <p>2. Môn cơ bản: Kiến thức âm nhạc tổng hợp (Hòa thanh, phân tích âm nhạc và Ghi âm).</p> <p>+ Piano cơ bản.</p>
3	7210204	Chỉ huy (02 Chuyên ngành)	Ngữ văn	<p>1. Môn cơ sở: Chỉ huy</p> <p>2. Môn cơ bản: Kiến thức âm nhạc tổng hợp (Hòa thanh, phân tích âm nhạc và Ghi âm)</p> <p>+ Piano cơ bản.</p>
4	7210205	Thanh nhạc	Ngữ văn	<p>1. Môn cơ sở: Biểu diễn Thanh nhạc</p> <p>2. Môn cơ bản: Kiến thức âm nhạc tổng hợp (Hòa thanh, phân tích âm nhạc và Ghi âm).</p>

5	7210207	Piano	Ngữ văn	<p>1. Môn cơ sở: Biểu diễn Piano</p> <p>2. Môn cơ bản: Kiến thức âm nhạc tổng hợp (Hòa thanh, phân tích âm nhạc).</p>
6	7210208	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây (16 Chuyên ngành)	Ngữ văn	<p>1. Môn cơ sở: Biểu diễn nhạc cụ</p> <p>2. Môn cơ bản: Kiến thức âm nhạc tổng hợp (Hòa thanh, phân tích âm nhạc).</p>
7	7210209	Nhạc Jazz (05 Chuyên ngành)	Ngữ văn	<p>1. Môn cơ sở: Biểu diễn nhạc cụ</p> <p>2. Môn cơ bản: Kiến thức âm nhạc tổng hợp (Hòa thanh, phân tích âm nhạc).</p>
8	7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (07 Chuyên ngành)	Ngữ văn	<p>1. Môn cơ sở: Biểu diễn nhạc cụ</p> <p>2. Môn cơ bản: Kiến thức âm nhạc tổng hợp (Hòa thanh, phân tích âm</p>

				nhạc).
--	--	--	--	--------

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

a. Hồ sơ bắt buộc gồm:

1. Phiếu đăng ký dự thi đại học năm 2020 (theo mẫu của Học viện)
2. Bản sao có công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc THBT đối với các thí sinh tốt nghiệp từ năm 2019 trở về trước
3. Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với các thí sinh tốt nghiệp năm 2020. Thí sinh sẽ phải nộp bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp năm 2020 ngay sau khi có thông báo thí sinh được nhận bằng tốt nghiệp
4. Hồ sơ tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài đạt trình độ tương đương THPT của Việt Nam (hồ sơ nộp phải được dịch công chứng)
5. Bằng Trung cấp âm nhạc hoặc giấy chứng nhận trình độ tương đương (nếu có)
6. Giấy khai sinh photo thường
7. Hồ sơ chứng nhận ưu tiên (nếu có)
8. 2 ảnh chân dung cỡ 3 x 4 (chụp trong vòng 06 tháng)
9. Đối với thí sinh lựa chọn và đăng ký xét tuyển môn Ngữ văn dựa vào điểm trung bình chung trong học bạ hoặc 3 năm học cuối của hệ TCCN. Ngoài hồ sơ bắt buộc nêu trên phải nộp bản sao có công chứng học bạ THPT hoặc bảng điểm môn ngữ văn 3 năm học cuối hệ TCCN.

- b. **Thời gian thi tuyển sinh:** Ngày 03, 04 tháng 08 năm 2020
- c. **Thời gian nhận hồ :** Từ ngày 08/06/2020 đến hết ngày 18/07/2020
- d. **Địa điểm:** Văn phòng tuyển sinh tầng 3 nhà A3 Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam số 77, phố Hào Nam, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- e. **Phương thức nộp hồ sơ:**
 - Nộp trực tiếp tại Văn phòng tuyển sinh Học viện ANQG Việt Nam
 - Gửi chuyển phát nhanh qua bưu điện về: Văn phòng tuyển sinh - Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam, số 77, Hào Nam, Đống Đa, Hà Nội

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

Chính sách ưu tiên xét tuyển thẳng với các đối tượng được thực hiện theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện chế độ xét tuyển từ trung cấp lên đại học đối với học sinh tốt nghiệp hệ trung cấp của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án của Học viện đã được phê duyệt.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT về chế độ thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh đại học. Hình thức nộp lệ phí thi có 2 hình thức:

- Trực tiếp tại văn phòng tuyển sinh, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam
- Chuyển khoản: Số tài khoản 12810000026529 tại ngân hàng BIDV chi nhánh Chương Dương. Học viện Âm nhạc Quốc Gia Việt Nam

Lưu ý: Không sử dụng hình thức nộp lệ phí thi: chuyển tiền qua Bưu điện

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Học phí hệ đại học chính quy: 10.600.000vnd/sinh viên/năm học

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (xác định rõ theo từng giai đoạn với thời gian xác định cụ thể).

1.12.1. Tên doanh nghiệp các nội dung hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp đối tác và trách nhiệm của mỗi bên; trách nhiệm đảm bảo đảm bảo việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

1.12.2. Tổng số GV cơ hữu quy đổi; tổng số GV thỉnh giảng quy đổi; tổng số chỉ tiêu theo quy định chung; tổng số chỉ tiêu tăng thêm theo quy định đặc thù

1.12.3. Các thông tin khác triển khai áp dụng cơ chế đặc thù trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (không trái quy định hiện hành)....

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

1.13.1. Năm tuyển sinh 2018

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP

1.13.2. Năm tuyển sinh 2019

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV/HS trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho
------------	---------------------	-------------------------------	------------------	--

						2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh		
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP

1.14. *Tài chính*

- *Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 60378000000*
- *Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 377000000*

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (Không bao gồm chỉ tiêu liên thông VLVH trình độ ĐH, trình độ CĐ Ngành Giáo dục Mầm non và đào tạo văn bằng 2 VLVH)

2.1. *Đối tượng tuyển sinh*

Thí sinh đăng ký dự thi vào Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam phải có các điều kiện như sau:

- Tốt nghiệp Trung cấp âm nhạc hoặc có trình độ tương đương đúng với chuyên ngành dự thi
- Tốt nghiệp THPT (Theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc tốt nghiệp THPT của nước ngoài đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam.

2.2. *Phạm vi tuyển sinh*

Trong cả nước

2.3. *Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)*

Thi tuyển;

1. Môn cơ sở: chuyên ngành dự thi
2. Môn cơ bản: Kiến thức âm nhạc (xướng âm, nhạc lí cơ bản).
3. Môn văn

2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo*

STT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VL VH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	Biểu diễn nhạc cụ Phương Tây	7210207	10	1148/QĐ-BGDĐT	20/03/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018

2.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT*

Các thí sinh phải đủ điều kiện: Tốt nghiệp Trung cấp âm nhạc và Tốt nghiệp THPT hoặc Bổ túc THPT.

2.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:*

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn thi kết hợp xét tuyển	
				Môn thi
1	7210205	Thanh nhạc		1. Môn cơ sở: Biểu diễn Thanh nhạc 2. Môn cơ bản: Kiến thức âm nhạc tổng hợp 3. Môn ngữ văn

2	7210208	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây (16 Chuyên ngành)		1. Môn cơ sở: Biểu diễn nhạc cụ 2. Môn cơ bản: Kiến thức âm nhạc tổng hợp 3. Môn ngữ văn

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

a. Hồ sơ bắt buộc gồm:

1. Phiếu đăng ký dự thi đại học năm 2020 (theo mẫu của Học viện)
2. Bản sao có công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc THBT đối với các thí sinh tốt nghiệp từ năm 2019 trở về trước
3. Bằng Trung cấp âm nhạc hoặc giấy chứng nhận trình độ tương đương (nếu có)
4. Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với các thí sinh tốt nghiệp năm 2020. Thí sinh sẽ phải nộp bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp năm 2020 ngay sau khi có thông báo thí sinh được nhận bằng tốt nghiệp.
5. Hồ sơ chứng nhận ưu tiên (nếu có)

6. 2 ảnh chân dung cỡ 3 x 4 (chụp trong vòng 06 tháng)

Thời gian thi tuyển sinh dự kiến từ 1-15/11/2020

b. Thời gian nhận hồ dự kiến **Từ ngày 15/6-15/9/2020**

c. **Địa điểm:** Văn phòng tuyển sinh tầng 3 nhà A3 Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam số 77, phố Hào Nam, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

d. **Phương thức nộp hồ sơ:**

- Nộp trực tiếp tại Văn phòng tuyển sinh Học viện ANQG Việt Nam
- Gửi chuyển phát nhanh qua bưu điện về: Văn phòng tuyển sinh - Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam, số 77, Hào Nam, Đống Đa, Hà Nội

2.8. *Chính sách ưu tiên:*

2.9. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...*

Lệ phí tuyển sinh: thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT về chế độ thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh đại học. Hình thức nộp lệ phí thi có 2 hình thức:

- Trực tiếp tại văn phòng tuyển sinh, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
- Chuyển khoản: Số tài khoản 12810000026529 tại ngân hàng BIDV chi nhánh Chương Dương. Học viện Âm nhạc Quốc Gia Việt Nam.
- Lệ phí thi là: 1,200.000vnd

Lưu ý: Không sử dụng hình thức nộp lệ phí thi: chuyển tiền qua Bưu điện.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Học phí hệ đại học vừa làm vừa học là: 12.000.000/sinh viên/năm học (áp dụng đối với học tại các tỉnh)

Học phí hệ đại học vừa làm vừa học : 10.600.000/sinh viên/năm học(áp dụng đối với học tại 77 Hà Nội)

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

STT	Tiêu đề	Nội dung
-----	---------	----------

3. Tuyển sinh đào tạo cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

3.1. Đối tượng tuyển sinh

3.2. Phạm vi tuyển sinh

3.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VB2	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
-----	-----------	----------	------------------------------	-------------------------	-------------------	----------------------------	--	---------------------

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

3.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

3.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

4. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

4.1. Văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng, nội dung thoả thuận giữa các bên và các thông tin liên quan (Bộ ngành, UBND tỉnh)

4.2. Chỉ tiêu đào tạo

4.3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

4.4. Các nội tuyển sinh đào tạo theo đặt hàng do các trường quy định (không trái quy định hiện hành).

5. Tuyển sinh liên thông trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

5.1. Đối tượng tuyển sinh

5.2. Phạm vi tuyển sinh

5.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

5.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
-----	------------------	----------	-----------	------------------------------	-------------------------	------------------	----------------------------	--	---------------------

5.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

5.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

5.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển;

5.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

5.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

5.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

STT	Tiêu đề	Nội dung

5.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

Cán bộ kê khai

HIỆU TRƯỞNG

Ngày xác nhận:

Ngày báo cáo:

PHỤ LỤC

(Kèm theo Đề án tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020)

Phụ lục 01: Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh – trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	Trần Thị Vân Cơ	Nữ		THS	Âm nhạc học	x				
2	Phạm Thị Thu Hà	Nữ		THS	Mác Lê nin	x				
3	Phạm Nghiêm	Nữ		THS	NTAN, Lý	x				

	Việt Anh				thuyết và Lịch sử AN					
4	Nguyễn Tú Uyên	Nữ		THS	NTAN, Lý thuyết và Lịch sử AN	x				
5	Nguyễn Thúy Hà	Nữ		THS	Âm nhạc học	x				
6	Vũ Văn Sử	Nam		THS	Tin học	x				
7	Trịnh Minh Trang	Nữ		THS	Âm nhạc học	x				
8	Nguyễn Thị Thiều Hương	Nữ		THS	NTAN, Lý thuyết và Lịch sử AN	x				
9	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ		THS	NTAN, Lý thuyết và Lịch sử	x				

					AN					
10	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ		THS	Anh văn	x				
11	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ		THS	Âm nhạc học	x				
12	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ		THS	Triết học	x				
13	Nguyễn Thị Loan	Nữ		THS	NTAN, Lý thuyết và Lịch sử AN	x				
14	Nguyễn Thanh Giang	Nữ		THS	Âm nhạc học	x				
15	Nguyễn Lệ Thuyền Hà	Nữ		THS	Âm nhạc học	x				
16	Nguyễn Hải Như	Nữ		THS	Âm nhạc học	x				
17	Nguyễn Hoàng	Nữ		THS	Piano	x				

	Hậu									
18	Nguyễn Hoài Thu	Nữ		THS	Kinh tế chính trị	x				
19	Lê Thị Thanh Huyền	Nữ		THS	Anh Văn	x				
20	Lê Thảo Nguyên	Nữ		THS	NTAN, Lý thuyết và Lịch sử AN	x				
21	Lâm Đức Chính	Nam		THS	Âm nhạc học	x				
22	Đông Lan Anh	Nữ		THS	NTAN, Lý thuyết và Lịch sử AN	x				
23	Đặng Thị Thanh Hoa	Nữ		THS	DH Anh văn	x				
24	Đỗ Hải Nam	Nam		THS	Thể dục	x				

25	Bùi Đăng Khánh	Nam		THS	Âm nhạc học	x				
26	Lê Anh Dũng	Nam		THS	Âm nhạc học				7210201	Âm nhạc học
27	Đào Nguyên Vũ	Nam		THS	Âm nhạc học				7210205	Thanh nhạc
28	Vương Toàn Lâm	Nam		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano
29	Đặng Châu Anh	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210204	Chỉ huy âm nhạc
30	Cù Lệ Duyên	Nữ	Phó giáo sư	TS	NTAN				7210204	Chỉ huy âm nhạc
31	Cồ Huy Hùng	Nam		TS	NTAN				7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
32	Chữ Hải Ly	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210207	Biểu diễn nhạc cụ phương tây

33	Chu (Thị) Ngân Hà	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210207	Biểu diễn nhạc cụ phương tây
34	Bùi Thị Lan Anh	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210205	Thanh nhạc
35	Bùi Lệ Chi	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
36	Đoàn Thanh Tùng	Nam		THS	Âm nhạc học				7210209	Nhạc Jazz
37	Đoàn Diễm Hương	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210207	Biểu diễn nhạc cụ phương tây
38	Đỗ Xuân Thắng	Nam		THS	Âm nhạc học				7210204	Chỉ huy âm nhạc
39	Đỗ Quốc Hưng	Nam		TS	NTAN				7210205	Thanh nhạc
40	Lã Minh Tâm	Nữ		TS	NTAN				7210201	Âm nhạc học
41	Hồ Việt Khoa	Nam		THS	Âm nhạc học				7210209	Nhạc Jazz

42	Hồ Hoài Anh	Nam		THS	Âm nhạc học				7210201	Âm nhạc học
43	Dương Thị Thu Hà	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
44	Dương Thị Hồng Lan	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210205	Thanh nhạc
45	Lê Anh	Nam		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano
46	Lê Thị Hải Yến	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210201	Âm nhạc học
47	Nguyễn Hiền Đức	Nam		THS	Âm nhạc học				7210209	Nhạc Jazz
48	Nguyễn Hoàng Anh	Nam		THS	Âm nhạc học				7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
49	Nguyễn Công Thắng	Nam		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano

50	Ngô Trà My	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
51	Ngô Đăng Khoa	Nam		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano
52	Lưu Nhật Tân	Nam		THS	Âm nhạc học				7210203	Sáng tác âm nhạc
53	Lương Xuân Thịnh	Nam		THS	Âm nhạc học				7210209	Nhạc Jazz
54	Lê Văn Toàn	Nam	Phó giáo sư	TS	NTAN				7210203	Sáng tác âm nhạc
55	Lê Thị Thơ	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210205	Thanh nhạc
56	Nguyễn Huy Lâm	Nam		THS	Âm nhạc học				7210201	Âm nhạc học
57	Nguyễn Hồng Ánh	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210203	Sáng tác âm nhạc

58	Nguyễn Quốc Bảo	Nam		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano
59	Nguyễn Minh Tân	Nam		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano
60	Nguyễn Thị Lệ Giang	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210201	Âm nhạc học
61	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210207	Biểu diễn nhạc cụ phương tây
62	Nguyễn Thị Bích Hồng	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210205	Thanh nhạc
63	Nguyễn Thanh Thủy	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
64	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
65	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210207	Biểu diễn nhạc cụ phương tây

66	Nguyễn Thị Thành Thi	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210204	Chỉ huy âm nhạc
67	Triệu Tú My	Nữ		TS	Âm nhạc học				7210208	Piano
68	Nguyễn Thùy Dung	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210205	Thanh nhạc
69	Nguyễn Thu Bình	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano
70	Nguyễn Thị Tố Uyên	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210205	Thanh nhạc
71	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210203	Sáng tác âm nhạc
72	Nguyễn Trọng Bình	Nam		TS	Guitar				7210207	Biểu diễn nhạc cụ phương tây
73	Nguyễn Trọng Bằng	Nam		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano
74	Nguyễn Trinh Hương	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210207	Biểu diễn nhạc cụ phương tây

75	Nguyễn Tiến Mạnh	Nam		TS	NTAN				7210209	Nhạc Jazz
76	Phạm Minh Thành	Nam		THS	Âm nhạc học				7210203	Sáng tác âm nhạc
77	Phạm Linh Chi	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210207	Biểu diễn nhạc cụ phương tây
78	Nguyễn Tuấn Anh	Nam		THS	Âm nhạc học				7210205	Thanh nhạc
79	Nguyễn Tuấn Anh	Nam		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano
80	Phạm Thị Thu An	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
81	Phạm Thị Huệ	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
82	Phạm Thị Hồng Hạnh	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống

83	Phạm Quỳnh Trang	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210207	Biểu diễn nhạc cụ phương tây
84	Phạm Quốc Chung	Nam		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano
85	Phạm Ngọc Khôi	Nam		THS	Âm nhạc học				7210204	Chỉ huy âm nhạc
86	Trần Thị Ngọc Bích	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210207	Biểu diễn nhạc cụ phương tây
87	Trần Kim Giang	Nam		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano
88	Tạ Thị Định	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210205	Thanh nhạc
89	Phan Việt Cường	Nam		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano
90	Phan Thị Tố Trinh	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano
91	Phạm Trường Sơn	Nam		THS	Âm nhạc học				7210208	Piano

92	Phạm Thị Trà My	Nữ		THS	Âm nhạc học				7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
----	-----------------	----	--	-----	-------------	--	--	--	---------	--------------------------------

Phục lục 02: Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Giảng dạy môn chung	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)